

QUYỀN BÌNH ĐẲNG VỀ CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

• Trần Anh Tú*

Tóm tắt: Theo số liệu thống kê nhân khẩu, tính đến ngày 01/4/2019, cả nước có 7.045.349 phụ nữ người dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm tỷ lệ khoảng 7,3% dân số cả nước¹. Trong những năm qua, việc thực hiện quyền chính trị của phụ nữ người DTTS đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại không ít thách thức cần được tháo gỡ. Bài viết phân tích thực trạng để kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ người DTTS ở Việt Nam.

Từ khóa: Quyền chính trị; bình đẳng; phụ nữ dân tộc thiểu số; quyền chính trị của phụ nữ.

Abstract: According to demographic statistics, as of April 1, 2019, the whole country has 7,045,349 ethnic minority women, accounting for about 7.3% of the country's population. Over the years, the exercise of political rights of ethnic minority women has achieved remarkable results. However, there are still many challenges that need to be solved. The article analyzes the current situation to recommend solutions to ensure political equality for ethnic minority women in Vietnam.

Keywords: Political rights; Equality; ethnic minority women; political rights of women.

Ngày nhận: 21/11/2021 Ngày phản biện, đánh giá: 02/12/2021 Ngày duyệt: 05/01/2022

1. Nhận thức chung về quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ người dân tộc thiểu số

Quyền chính trị (political rights) là quyền cơ bản của mỗi công dân. Theo đó, mọi công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo đều có quyền được tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị.

Tuy nhiên, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn tồn tại ở nhiều quốc gia, việc tham

gia vào đời sống chính trị của nữ giới còn gặp nhiều rào cản. Năm trong nỗ lực xoá bỏ bất bình đẳng giới, ngày 18/12/1979, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 34/180 về Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ. Tại Điều 7 của Công ước, các quy định về quyền chính trị đã được đề cập: “Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại

(*) Công an huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Email: trananhtu.sshn@gmail.com.

phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng của đất nước, cụ thể, phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, các quyền: (a) Bỏ phiếu trong tất cả các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân, và ứng cử vào tất cả các cơ quan mà áp dụng chế độ tuyển cử công khai; (b) Tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, giữ các chức vụ trong các cơ quan công cộng và thực hiện tất cả chức năng công cộng ở mọi cấp chính quyền; (c) Tham gia các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước”².

Quyền bình đẳng chính trị của phụ nữ DTTS có thể hiểu là việc phụ nữ DTTS được tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội trên tất cả các lĩnh vực mà không gặp phải bất cứ trở ngại, cản trở hay phân biệt đối xử nào. Quyền này được thể hiện qua một số khía cạnh cụ thể là: (1) Tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; (2) Tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; (3) Tham gia bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; (4) Tham gia vào việc hoạch định, xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ; (5) được đề bạt, bổ nhiệm, giữ các vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ vị trí của phụ nữ và xác định: “Lực

lượng cách mạng của phụ nữ là một lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc tranh đấu cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được”³. Chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng ta là chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt; thực hiện bình đẳng giới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; phát huy tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của các tầng lớp phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước. Để thúc đẩy vai trò của phụ nữ nói chung và phụ nữ người DTTS nói riêng, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ v.v..

Quyền bình đẳng đối với phụ nữ nói chung và phụ nữ DTTS nói riêng là nội dung được ghi nhận tại Chương II, Hiến pháp năm 2013: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (khoản 1, Điều 14)⁴, “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (khoản 2, Điều 16)⁵, “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham

gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân” (Điều 28)⁶.

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, cụ thể hoá các quan điểm chỉ đạo của Đảng, nội luật hoá các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh lĩnh vực bình đẳng giới nói chung cũng như bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ DTTS nói riêng. Có thể kể đến như: Luật Bình đẳng giới năm 2006; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới vùng DTTS; Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/3/2016 về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới; Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 25/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2018-2025”; Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030; Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững v.v..

Thực tiễn tham gia vào các hoạt động chính trị của nữ giới những năm vừa qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan thì tỷ

lệ nữ giới tham gia lãnh đạo, quản lý còn thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ. Trong đó, việc tham chính của phụ nữ đồng bào DTTS còn gặp khó khăn hơn nhiều bởi đây là đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương, phải chịu bất bình đẳng kép cả về yếu tố dân tộc và về giới. Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, giải pháp có tính đặc thù để thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ người DTTS nói chung và việc tham gia đời sống chính trị nói riêng.

2. Thực hiện quyền chính trị của phụ nữ dân tộc thiểu số tại Việt Nam

Theo kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội năm 2019, tổng số nữ giới người DTTS là 7.045.349 người, chiếm hơn 7,3% dân số cả nước. Địa bàn sinh sống chủ yếu là tại các khu vực nông thôn, thuộc 5.453 xã, 463 huyện, 51/63 tỉnh/thành phố trong cả nước. Về mặt cơ cấu nhóm tuổi của 53 DTTS, tỷ trọng dân số DTTS từ 0-14 tuổi là 30,0% (nam 30,7% và nữ 29,2%), từ 15-64 tuổi là 64,3% (nam 64,9% và nữ 63,7%) và từ 65 tuổi trở lên là 5,7% (nam 4,4% và nữ 7,1%)⁷. Cũng như tình hình chung của cả nước, dân số các DTTS vẫn trong thời kỳ “dân số vàng”.

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, việc bảo đảm quyền bình đẳng trên lĩnh vực chính trị đối với phụ nữ DTTS đã bước đầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Quyền bầu cử, ứng cử của người dân luôn được Đảng, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm. Các nữ cử tri người DTTS đã ý thức rõ hơn về trách nhiệm của bản thân trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội. Tại kỳ

bầu cử đại biểu Quốc hội (ĐBQH) khoá XV, 99,57% cử tri cả nước đã đi bầu cử.

Những năm qua, số lượng nữ ĐBQH (cơ quan quyền lực cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam) là người DTTS có xu hướng tăng dần qua các nhiệm kỳ. Cụ thể: Quốc hội khóa XIII có 39/500 đại biểu là phụ nữ DTTS, chiếm tỷ lệ 7,8% so với tổng số ĐBQH; Quốc hội khóa XIV có 41/496 đại biểu là phụ nữ DTTS, chiếm tỷ lệ 8,27%

so với tổng số ĐBQH; Quốc hội khóa XV có 44/499 đại biểu là phụ nữ DTTS, chiếm 8,82%. Đặc biệt, tại Quốc hội khóa XV, có 01 nữ đại biểu là người Brâu (DTTS đặc biệt ít người) trúng cử ở độ tuổi còn rất trẻ (tuổi 25). Tại một số đơn vị, địa phương đã xuất hiện cán bộ đứng đầu là phụ nữ DTTS. So với nam giới DTTS, nữ giới DTTS tham gia vào Quốc hội chiếm tỷ lệ gần ngang bằng nhau (xem Bảng 1).

Bảng 1: Thống kê, so sánh việc tham gia Quốc hội của nữ DTTS qua một số nhiệm kỳ⁸.

	Tổng số ĐBQH (người)	Tổng số ĐBQH DTTS (người)	Tổng số ĐBQH là nữ giới (người)	Tổng số ĐBQH là nữ giới DTTS (người)	Tỷ lệ nữ/ tổng số ĐB (%)	Tỷ lệ nữ DTTS/ Tổng số ĐB (%)	Tỷ lệ nữ DTTS/ tổng số ĐB nữ (%)	Tỷ lệ ĐB nữ DTTS/ ĐB nam DTTS (%)
Quốc hội khoá XIII	500	78	122	39	24,40	7,80	31,97	50,00
Quốc hội khoá XIV	496	86	133	41	26,81	8,27	30,83	47,67
Quốc hội khoá XV	499	89	151	44	30,26	8,82	29,14	49,44

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện quyền chính trị của phụ nữ DTTS còn gặp một số rào cản. Việc tham gia quản lý nhà nước, xã hội, hoạch định chính sách còn hạn chế, chưa tương xứng với tỷ lệ nữ DTTS. Điều này thể hiện ở việc nữ giới tham gia công tác tại các cơ quan của Đảng, các cơ quan quyền lực nhà nước,

các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị - xã hội còn thấp; số lượng cán bộ nữ dân tộc thiểu số giữ vị trí lãnh đạo cấp cao còn hạn chế. Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019 (qua kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS ở Việt Nam do Ủy ban Dân tộc và

Tổng cục Thống kê tiến hành) cho thấy khoảng cách giới trong các nhóm DTTS

vẫn tồn tại rất lớn. Số liệu thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 2: Tỷ lệ cán bộ, công chức là người DTTS trong một số cơ quan, đơn vị theo số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015 - 2019⁹

	Tỷ lệ cán bộ, công chức là người DTTS (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức là nữ người DTTS (%)
Cơ quan Đảng ở các xã vùng DTTS	42,1	6,0
Hội đồng nhân dân ở xã vùng DTTS	46,3	7,3
Cơ quan hành chính ở xã vùng DTTS	40,9	11,4
Tổ chức chính trị-xã hội ở xã vùng DTTS	47,4	15,5

Ti lệ tham chính của nữ giới người DTTS ở cấp địa phương thấp hơn hẳn so với nam giới và có sự phân bố không đồng đều giữa các cơ quan. Qua bảng số liệu trên, có thể thấy nữ giới DTTS công tác chủ yếu tại các tổ chức chính trị - xã hội (phần lớn là tại Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp). Tại các cơ quan hành chính, tỷ lệ nữ giới cán bộ DTTS cao hơn nhưng chủ yếu công tác tại các vị trí như văn thư, hành chính, kế toán, tài vụ. Trong khi đó, tỷ lệ cán bộ nữ DTTS tham gia vào cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân chiếm tỷ lệ rất thấp, có sự chênh lệch rõ rệt so với nam giới DTTS.

Thực tế, việc tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước, xã hội; tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng; tham gia hoạch định, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách hành chính công... của phụ nữ DTTS còn rất khiêm tốn. Tính đến năm 2020, số cán bộ, công chức nữ DTTS tại các xã vùng DTTS

chỉ chiếm tỷ lệ 23,79% tổng số cán bộ, công chức; số lượng nữ cán bộ DTTS giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp Vụ trở lên ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương chỉ chiếm 17,5% tổng số cán bộ nữ DTTS. Số lượng cán bộ nữ DTTS giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt còn chưa cao, chất lượng đội ngũ cán bộ tuy đã được nâng lên nhưng một số cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Hiện nay, trong 63 tỉnh, thành trên cả nước, chỉ có 01 đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là nữ người DTTS (đồng chí Giảng Páo Mỹ, Bí thư tỉnh ủy Lai Châu, người dân tộc H'Mông). Cùng với đó, sự phân bố cán bộ nữ DTTS cũng có phần không đồng đều, tập trung chủ yếu ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thấp và tỷ lệ đồng bào DTTS sinh sống cao¹⁰.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, tư tưởng định kiến về giới vẫn còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức. Việc phân biệt về giới vẫn tồn tại sâu sắc kể

cả ở các dân tộc theo chế độ mẫu hệ. Tư tưởng trọng nam khinh nữ, quan niệm phụ nữ không có quyền quyết định công việc trong gia đình, phụ nữ không cần học nhiều, phụ nữ chỉ cần sinh con và lao động v.v... đã ngăn cản việc nữ giới DTTS thực hiện quyền chính trị. Cùng với đó, nhiều hủ tục lạc hậu chưa được xoá bỏ đã trở thành gánh nặng cho phụ nữ DTTS như tảo hôn (tỷ lệ tảo hôn của nữ DTTS năm 2018 là 23,5%), hôn nhân cận huyết (tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống của nữ DTTS năm 2018 là 5,87%)¹¹. Về mặt nhận thức, ngay bản thân nhiều nữ giới DTTS cũng có tư tưởng “an phận”, chấp nhận những luật lệ có tính cổ hủ của cộng đồng, chưa thực sự có khát vọng thay đổi. Một bộ phận không nhỏ trong cán bộ các cấp vẫn chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của bình đẳng giới, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách về bình đẳng giới tại địa phương.

Thứ hai, đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, có nơi chưa theo kịp sự phát triển chung của cả nước; sự bất bình đẳng về giáo dục, đào tạo giữa phụ nữ DTTS với nam giới DTTS và phụ nữ DTTS với phụ nữ dân tộc Kinh vẫn tồn tại. Nữ giới DTTS phải chịu bất bình đẳng kép cả về yếu tố dân tộc và về giới. Để thực hiện quyền chính trị, vấn đề đầu tiên là phải nâng cao trình độ hiểu biết của bản thân. Tuy nhiên, vấn đề nghèo đói vẫn là một thách thức lớn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao (hơn 35%) gấp 3 lần tỷ lệ chung cả nước đã trở thành rào cản cho đồng bào DTTS nói

chung và nữ giới DTTS nói riêng trong mọi vấn đề. Việc tiếp cận giáo dục của phụ nữ DTTS gặp khó khăn. Chưa nói đến các yếu tố khác, chỉ tính riêng quãng đường để có thể đi học cũng là một thách thức cho đồng bào DTTS. Quãng đường trung bình để trẻ em DTTS đến trường, lớp tiểu học là 2,2 km; đến trường Trung học cơ sở là 3,7 km và đến trường Trung học phổ thông là 10,9 km (cá biệt, trẻ em Ở Đu 52,2 km, Rơ Măm 44,3 km, Măng 30,2 km, Cống 29,5 km, La Hủ 27,8 km để có thể đến được trường phổ thông)¹². Trong khi đó, điều kiện đường sá đi lại còn khó khăn, vấn đề an ninh, an toàn có nơi chưa được bảo đảm. So với nam giới, nữ giới DTTS sẽ phải đối mặt với khó khăn hơn do những phân biệt đối xử đan xen trên cơ sở giới tính, dân tộc, nghèo đói. Nhiều nơi, trẻ em gái phải bỏ học từ sớm để lấy chồng, sinh con, tham gia lao động v.v.. Năm 2019, có đến 26,56% phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết; chỉ có 7,2% lao động nữ DTTS được đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tham chính của nữ giới DTTS.

Thứ ba, hệ thống các chính sách về bình đẳng giới, về công tác dân tộc nói chung và liên quan trực tiếp đến quyền chính trị của phụ nữ DTTS nói riêng còn bất cập, chưa đồng bộ, chưa tách được đối tượng đặc thù là nữ giới DTTS. Theo kết quả báo cáo Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 của Ủy ban Dân tộc, trong 118 chính sách về công tác dân tộc chỉ có 4 chính sách (chiếm khoảng 3,4%) liên quan tới bình đẳng giới; chỉ có 2/27 (chiếm 7,4%) chỉ tiêu về bình đẳng giới

giai đoạn 2011-2020 liên quan trực tiếp đến địa bàn DTTS. Để quyền chính trị đối của phụ nữ DTTS được thực hiện cần có sự kết hợp đồng bộ giữa tất cả các nhóm chính sách, từ giáo dục - đào tạo, kinh tế đến văn hoá, xã hội. Bất kỳ người nào muốn thực hiện quyền chính trị, đặc biệt là việc giữ các vị trí cao trong hệ thống các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cần phải được đào tạo bài bản, kỹ càng, trong một quá trình dài. Tuy nhiên, việc tiếp cận các chính sách của nhiều nữ giới DTTS còn khó khăn. Ngoài ra, các chính sách chưa đồng bộ. Hiện nay chúng ta đã triển khai nhiều chính sách để hỗ trợ đồng bào DTTS đi học đại học nâng cao trình độ. Tuy nhiên, sau khi học xong thì lại chưa có chính sách về hỗ trợ việc làm, ưu tiên tuyển dụng vào hệ thống chính trị.

3. Một số kiến nghị nhằm bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ dân tộc thiểu số

Để bảo đảm quyền tham chính của nữ giới DTTS, cần có những giải pháp đồng bộ, mang tính chiến lược. Trong đó, một số giải pháp chính là:

Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS, nâng cao trình độ dân trí của cộng đồng, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu đang tồn tại ở vùng DTTS. Nghèo đói, lạc hậu vẫn là rào cản lớn nhất ngăn cản sự phát triển của đồng bào DTTS nói chung và phụ nữ DTTS nói riêng. Vì vậy, cần đẩy mạnh hơn nữa việc xoá đói, giảm nghèo ở vùng DTTS. Khi kinh tế phát triển, trình độ dân trí được nâng lên thì ý thức của người dân về bình đẳng giới trong cộng đồng người DTTS cũng được cải thiện.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về quyền tham chính của phụ nữ DTTS. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 của nước ta đặt ra mục tiêu đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ nhưng chưa cụ thể hoá chỉ tiêu với nữ cán bộ người DTTS là bao nhiêu. Do đó, cần nghiên cứu luật hóa tỷ lệ phụ nữ DTTS tham chính trong các cơ quan quyền lực Nhà nước, cơ quan Đảng, cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Đồng thời, nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù với nữ người DTTS trong việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, huấn luyện, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, bảo đảm việc tham chính của nữ giới DTTS không chỉ dừng lại ở bề rộng (về số lượng) mà còn có chiều sâu (về chất lượng).

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, góp phần nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về bình đẳng giới, tạo sự nhận thức đúng đắn về quyền tham chính của phụ nữ DTTS. Song song với đó, cần xây dựng các chế tài phù hợp để xử lý nghiêm các hành vi đối xử bất bình đẳng, tước đoạt cơ hội tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, thăng tiến và phát triển của phụ nữ DTTS.

Thứ ba, lấy giáo dục làm nền tảng, khơi dậy khát vọng, ý thức phấn đấu của

phụ nữ DTTS. So với nam giới DTTS và nữ giới người Kinh, nữ giới DTTS gặp rất nhiều khó khăn xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội - văn hoá, tập quán, rào cản về ngôn ngữ v.v.. Vì vậy, cần đẩy mạnh, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục vùng DTTS; bảo đảm sự công bằng trong tiếp cận giáo dục của nữ giới người DTTS. Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới nói chung và quyền tham chính của phụ nữ DTTS nói riêng để họ xác định được vai trò, vị trí, giá trị bản thân, mạnh dạn và tự tin tham gia các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.

Thứ tư, tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình về bình đẳng giới và phát triển dân tộc: Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2018-2025 (ban hành theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 25/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 88/2019/QH14 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 v.v.. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyền chính trị của phụ nữ DTTS. Kiên quyết xử lý những hành vi sai phạm, tiêu cực trong việc thực hiện chính sách. ■

Tài liệu trích dẫn

(1) Ủy ban Dân tộc, Báo cáo số 1741/BC-UBDT ngày 11/11/2021 về Sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2018-2021.

(2) Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979.

(3) Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết về vận động phụ nữ, 1930.

(4), (5), (6) Hiến pháp năm 2013.

(7), (9), (11), (12) Ủy ban Dân tộc - Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, *Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019 qua kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS ở Việt Nam*.

(8) Số liệu thống kê qua các nguồn: <https://sonoivu.hochiminhcity.gov.vn/-/cong-bo-ket-qua-bau-cu-ai-bieu-quoc-hoi-khoa-xiii>, <https://cand.com.vn/thoi-su/Cong-bo-ket-qua-bau-cu-dai-bieu-Quoc-hoi-khoa-XIII-va-dai-bieu-HDND-cac-cap-i180746/>, <https://suckhoedoisong.vn/cong-bo-ket-qua-bau-cu-quoc-hoi-khoa-xiv-169117857.htm>, <https://vnexpress.net/interactive/2021/danh-sach-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-15>, Báo cáo số 1741/BC-UBDT ngày 11/11/2021 của Ủy ban Dân tộc về Sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2018-2021.

(10) Ủy ban dân tộc, Báo cáo số 732/BC-UBND ngày 10/6/2021 về Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.